TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2018/DS-ST
Ngày: 18/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.
2. Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 393/2017/TLST-DS ngày 07/7/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2018/QĐXXST-DS ngày 30/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2018/QĐST-DS 18/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng V**.
Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lại Khánh Cao S**, sinh năm 1986; địa chỉ: E2/36B đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 79/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 11/7/2018) – Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà **Phạm Thiên N**, sinh năm 1989 – Vắng mặt.
Địa chỉ: B6/41 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn Ngân hàng V có đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Đình Hoàng M trình bày:

Bà Phạm Thiên N và Ngân hàng V có ký hợp đồng tín dụng số 20150123-500001-0007 ngày 20/01/2015 vay số tiền 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.75%/tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền 32.512.000 (Ba mươi hai triệu năm trăm mười hai ngàn) đồng bao gồm gốc và lãi; thời hạn trả trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu trả mỗi tháng số tiền là 1.343.000 (Một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn) đồng, tháng cuối cùng trả 1.623.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn) đồng. Bắt đầu từ ngày 01/3/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán được cho Ngân hàng V số tiền là 2.686.000 (Hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn) đồng. Kể từ ngày 27/4/2015, bà N không tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng V nhiều lần thông báo nhắc nhở yêu cầu thanh toán.

Do đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thiên N có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ bao gồm gốc và lãi là 29.826.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/7/2018, Ngân hàng V đã thay đổi người đại diện theo ủy quyền là ông Lại Khánh Cao S. Ông S có bổ sung một số ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn như sau: Tính đến ngày 28/12/2017, bà Phạm Thiên N đã trả cho Ngân hàng V tổng cộng 07 kỳ. Cụ thể: 02 kỳ mỗi kỳ thanh toán số tiền 1.343.000 (Một triêu ba trăm bốn mươi ba ngàn) đồng, và 05 kỳ mỗi kỳ thanh toán số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng tổng cộng là 7.686.000 (Bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn) đồng. Từ ngày 28/12/2017 cho đến nay, bà N không tiếp tục thanh toán khoản tiền nợ nào cho Ngân hàng V nữa. Số tiền bà N còn nợ Ngân hàng V là: 24.826.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng. Do đó, ông S đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thiên N phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ là 24.826.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, trong đó, nợ gốc là 18.524.349 (Mười tám triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi chín) đồng, lãi là 6.301.651 (Sáu triệu ba trăm lẻ một ngàn sáu trăm năm mươi mốt) đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn bà Phạm Thiên N vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng V khởi kiện bà Phạm Thiên N yêu cầu thanh toán tiền vay mục đích cấp tín dụng phục vụ tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc "Hợp đồng tín dụng".

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Phạm Thiên N do bà Phạm Thiên N có nơi cư trú tại: B6/41 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi trên Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-

HĐTP ngày 05/5/2017, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Sự vắng mặt của nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V là ông Lại Khánh Cao S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Phạm Thiên N các văn bản gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà Phạm Thiên N không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thiên N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

4. Về nội dung:

Căn cứ vào Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150123-500001-0007 (số hiệu hồ sơ: A N^{o} 384091) ngày 17/01/2015 cùng các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định giữa Ngân hàng V và bà Phạm Thiên N tự nguyện giao kết hợp đồng với nhau với các thỏa thuận sau: Khoản vay tiêu dùng: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; Phí bảo hiểm: 1.000.000 (Một triệu) đồng; Số tiền vay tổng cộng: 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 3,75%/tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng, cụ thể: Mua xe; Phương thức vay: Cho vay trả góp. Cụ thể: Trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.343.000 (Một triêu ba trăm bốn mươi ba ngàn) đồng, tháng cuối trả 1.623.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn) đồng. Ngày thanh toán: Ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/3/2015.

Để thực hiện việc giao dịch hợp đồng, ngày 26/01/2015, Ngân hàng V đã giải ngân số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của bà N mở tại Ngân hàng. Cùng ngày 26/01/2015, bà N đã rút số tiền 20.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng cộng 07 kỳ; cụ thể: 02 kỳ mỗi kỳ thanh toán số tiền 1.343.000 (Một triêu ba trăm bốn mươi ba ngàn) đồng, và 05 kỳ mỗi kỳ thanh toán số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng tổng cộng là 7.686.000 (Bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn) đồng. Từ ngày 28/12/2017 cho đến nay, bà N không tiếp tục thanh toán khoản tiền nợ nào cho Ngân hàng V nữa. Số tiền bà N còn nợ Ngân hàng V là: 24.826.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, trong đó, nợ gốc là 18.524.349 (Mười tám triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi chín) đồng, lãi là 6.301.651 (Sáu triệu ba trăm lẻ một ngàn sáu trăm năm mươi mốt) đồng.

Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và mục 3.2 Điều 3 của bản Điều khoản và Điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân đã xác định: "*Ngân hàng V có quyền chấm dứt Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, bằng cách gửi Thông báo cho Khách hàng và yêu cầu Khách hàng thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng*". Mặt khác, tại Điều 1 Mục C – Điều khoản chung của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150123-

500001-0007 (số hiệu hồ sơ: A N^{o} 384091) ngày 17/01/2015, các bên thống nhất rằng: *"Bản Điều khoản và Điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ là một phần không tách rời của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng này"*.

Từ ngày 28/12/2017 cho đến nay, bà N không tiếp tục thanh toán khoản tiền nợ nào cho Ngân hàng V nữa; vậy nên, bà N đã vi phạm điều khoản thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thiên N phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền là 24.826.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Mặt khác, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Phạm Thiên N mặc dù được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không nộp bất kỳ văn bản nào cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ phía bị đơn không có thiện chí và không có ý thức tôn trọng pháp luật; bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng V là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng V, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận nên bà Phạm Thiên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ khởi kiện yêu cầu của Ngân hàng V đối với bị đơn là bà Phạm Thiên N.

Buộc bà Phạm Thiên N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền là 24.826.000 (Hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng V, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thiên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.241.300 (Một triệu hai trăm bốn mươi mốt ngàn ba trăm) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 745.650 (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022258 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền